

Số: *41* /2020/TT-BQP

Hà Nội, ngày *31* tháng *3* năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ

Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 08 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu, tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thực hiện một số điều của Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ (sau đây viết gọn là Nghị định số 21/2019/NĐ-CP), bao gồm: Ban Chỉ đạo quân khu về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ; Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ; trình tự xây dựng, hình thức, nội dung kế hoạch phòng thủ quân khu; thẩm định, phê duyệt kế hoạch xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện; quy hoạch khu sơ tán các ban, bộ, ngành Trung ương; diễn tập khu vực phòng thủ; nội dung, quy mô sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Ban Chỉ đạo các cấp về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thành phần, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo quân khu về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ

1. Thành phần

a) Trưởng ban: Tư lệnh quân khu

b) Phó Trưởng ban gồm:

- Chính ủy quân khu.

- Phó Tư lệnh-Tham mưu trưởng quân khu: Phó Trưởng ban thường trực.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn quân khu.

c) Các Ủy viên gồm: Phó Tham mưu trưởng quân khu (phụ trách tác chiến); Chủ nhiệm Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật quân khu; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh (đối với Quân khu 7), Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự và Giám đốc Công an cấp tỉnh trên địa bàn quân khu; đại diện Chỉ huy Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; đại diện Chỉ huy Bộ Tư lệnh vùng Hải quân, Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển (đối với Quân khu 3, 4, 5, 7, 9).

2. Chức năng

Giúp Đảng ủy, Bộ Tư lệnh quân khu lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ các địa phương trên địa bàn quân khu phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, ngành Trung ương trên địa bàn triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu, xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn quân khu.

3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo quân khu

a) Tham mưu, đề xuất với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về cơ chế, chính sách, giải pháp chỉ đạo phù hợp với tình hình, đặc điểm của quân khu để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu, xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn;

b) Chỉ đạo, chỉ huy các đơn vị thuộc quyền phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, ngành Trung ương trên địa bàn chuẩn bị và tác chiến phòng thủ, bảo vệ quân khu;

c) Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền phối hợp với lực lượng Công an bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

d) Định kỳ báo cáo Đảng ủy, Bộ Tư lệnh quân khu, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và tổ chức sơ kết, tổng kết nhiệm vụ phòng thủ quân khu, xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ quy định tại Điều 9 Thông tư này.

đ) Tham gia ý kiến thẩm định các quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn quân khu có liên quan đến quốc phòng theo quy định tại Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế-xã hội và kinh tế-xã hội với quốc phòng.

4. Quyền hạn của Ban Chỉ đạo quân khu

a) Chỉ đạo Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Ban Chỉ đạo cấp tỉnh) trên địa bàn quân khu báo cáo tình hình, kế hoạch phòng thủ, kết quả xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ, điều chỉnh thể trận khu vực phòng thủ theo thể trận phòng thủ quân khu;

b) Đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện kế hoạch, phương án, biện pháp xây dựng, hoạt động của khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn quân khu;

c) Chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết và công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

d) Chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh trên địa bàn quân khu.

Điều 4. Tổ chức, thành phần, chức năng, nhiệm vụ, nội dung hoạt động, mối quan hệ của Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện

1. Tổ chức

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ cấp mình từ thời bình (sau đây viết gọn là Hội đồng cung cấp);

b) Hội đồng cung cấp hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Thành phần

a) Hội đồng cung cấp cấp tỉnh

- Chủ tịch Hội đồng do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách kinh tế đảm nhiệm.

- Phó Chủ tịch thường trực do Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự (Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh do Phó Tư lệnh) đảm nhiệm.

- Các Phó Chủ tịch gồm: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính.

- Các Ủy viên Hội đồng gồm: Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Phó Giám đốc các Sở: Y tế, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ nhiệm Hậu cần, Chủ nhiệm Kỹ thuật Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Giám đốc Công an tỉnh phụ trách công tác hậu cần, kỹ thuật; Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phụ trách công tác hậu cần, kỹ thuật (nếu có).

- Bộ phận thường trực Hội đồng cung cấp gồm một số cán bộ cấp phòng của Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, cấp cục đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng Ủy ban nhân dân. Trưởng bộ phận thường trực là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng cung cấp; Thư ký Hội đồng cung cấp là Chủ nhiệm Hậu cần Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ tình hình thực tế địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định bổ sung thành phần tham gia Hội đồng cung cấp để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, quân sự địa phương.

b) Hội đồng cung cấp cấp huyện

- Chủ tịch Hội đồng do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách kinh tế đảm nhiệm.

- Phó Chủ tịch thường trực do một Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự đảm nhiệm.

- Phó Chủ tịch do Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch đảm nhiệm.

- Các Ủy viên Hội đồng gồm: Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng phòng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kinh tế và Hạ tầng (đối với quận, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh là Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị); Chủ nhiệm Hậu cần-Kỹ thuật Ban Chỉ huy quân sự, Phó trưởng Công an phụ trách hậu cần, kỹ thuật.

- Bộ phận thường trực Hội đồng cung cấp gồm một số cán bộ của cơ quan quân sự, Phòng Tài chính-Kế hoạch; Trưởng bộ phận thường trực là Phó

Chủ tịch thường trực Hội đồng cung cấp; Thư ký Hội đồng cung cấp là Chủ nhiệm Hậu cần-Kỹ thuật Ban Chỉ huy quân sự.

- Căn cứ tình hình thực tế địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định bổ sung thành phần tham gia Hội đồng cung cấp để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, quân sự địa phương.

3. Chức năng, nhiệm vụ

a) Tham mưu với Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ cùng cấp về công tác bảo đảm quốc phòng của khu vực phòng thủ;

b) Nghiên cứu, đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm nhân lực, vật lực, tài chính, vận động, huy động nguồn lực cho xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ; giúp Ủy ban nhân dân chỉ đạo, tổ chức triển khai và kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác bảo đảm cho khu vực phòng thủ.

4. Nội dung hoạt động

a) Trong thời bình, Hội đồng cung cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ những chủ trương, biện pháp kết hợp kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh ở địa phương, gắn phát triển kinh tế với tăng cường các tiềm lực và thế trận của khu vực phòng thủ; chỉ đạo xây dựng hệ thống kế hoạch động viên quốc phòng, kế hoạch bảo đảm nhân lực, vật lực, tài chính cho những năm đầu chiến tranh, xây dựng và hoạt động khu vực phòng thủ; triển khai bảo đảm vật chất, phương tiện cho lực lượng vũ trang địa phương xử trí các tình huống về quốc phòng, an ninh xảy ra trong khu vực phòng thủ; sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ khác khi Ủy ban nhân dân giao;

b) Trong các trạng thái quốc phòng, tham mưu cho Ủy ban nhân dân chỉ đạo bổ sung, điều chỉnh hệ thống kế hoạch động viên quốc phòng, bảo đảm nhân lực, vật lực, tài chính cho nhiệm vụ quốc phòng trong chuyển địa phương vào các trạng thái quốc phòng và chỉ đạo tổ chức thực hiện, kết hợp huy động tiềm lực kinh tế của địa phương để bảo đảm tác chiến phòng thủ; chỉ đạo xây dựng thế trận hậu cần, kỹ thuật, tổ chức dự trữ vật chất, hậu cần bảo đảm cho tác chiến phòng thủ lâu dài; điều hành thống nhất các hoạt động bảo đảm nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang và nhân dân, phục vụ tác chiến phòng thủ; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khác khi Ủy ban nhân dân giao;

c) Quy chế hoạt động của Hội đồng cung cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quy định; chức năng của Bộ phận thường trực, nhiệm vụ của các thành viên Bộ phận thường trực do Chủ tịch Hội đồng cung cấp quy định.

5. Mối quan hệ của Hội đồng cung cấp

- a) Với Ủy ban nhân dân cùng cấp là quan hệ chịu sự chỉ đạo, điều hành;
- b) Với Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ cùng cấp là quan hệ chịu sự chỉ đạo về bảo đảm quốc phòng, quân sự;
- c) Với các cơ quan chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp là quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn về bảo đảm quốc phòng.

Điều 5. Trình tự xây dựng, hình thức, nội dung kế hoạch phòng thủ quân khu

1. Kế hoạch phòng thủ quân khu được xây dựng trên cơ sở Quyết tâm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của Tư lệnh quân khu, phù hợp với quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng gắn với phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đầu và giữa nhiệm kỳ bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình.

2. Căn cứ Kế hoạch phòng thủ quân khu, Tư lệnh quân khu chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh thuộc quyền (Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh của Quân khu 7) tham mưu với Trưởng Ban chỉ đạo khu vực phòng thủ cấp mình xây dựng kế hoạch phòng thủ và triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng thủ trong thế trận phòng thủ quân khu. Các cơ quan quân khu hướng dẫn xây dựng văn kiện tác chiến, văn kiện bảo đảm tác chiến phòng thủ và triển khai đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện thuộc quyền xây dựng kế hoạch phòng thủ trong thế trận khu vực phòng thủ của cấp trên. Định kỳ đầu và giữa nhiệm kỳ bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình.

3. Trình tự xây dựng, hình thức, nội dung, quyền hạn phê duyệt, quản lý kế hoạch phòng thủ quân khu thực hiện theo Điều lệ công tác tham mưu tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 6. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện

1. Phân cấp thẩm định

a) Bộ Tổng Tham mưu chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch xây dựng thế trận quân sự khu vực phòng thủ các tỉnh, thành phố trọng điểm về quốc phòng;

b) Bộ Tham mưu các quân khu chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định kế hoạch xây dựng thế trận quân sự khu vực phòng thủ các tỉnh thuộc địa bàn quân khu (trừ tỉnh, thành phố trọng điểm về quốc phòng) và cấp huyện trọng điểm về quốc phòng;

c) Phòng Tham mưu Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch xây dựng thể trận quân sự khu vực phòng thủ cấp huyện thuộc quyền trừ các đơn vị cấp huyện trọng điểm về quốc phòng.

2. Hồ sơ, hình thức thẩm định

a) Hồ sơ thẩm định gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt kế hoạch xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ; văn bản thuyết minh kèm theo bản đồ, sơ đồ; báo cáo tóm tắt kế hoạch và các văn bản pháp lý có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ký chịu trách nhiệm;

b) Hình thức thẩm định: Tổ chức hội nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Nội dung thẩm định

a) Căn cứ pháp lý, cơ sở số liệu, tư liệu, kết quả nghiên cứu, điều tra, khảo sát các yếu tố tác động, ảnh hưởng đến kế hoạch;

b) Tính thống nhất với các phương án phòng thủ, quy hoạch bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế-xã hội và các quy hoạch khác trong khu vực phòng thủ;

c) Thành phần, quy mô và bố trí các loại công trình quốc phòng chủ yếu trong thành phần thể trận quân sự khu vực phòng thủ;

d) Tính khả thi của kế hoạch xây dựng các công trình quốc phòng; các yêu cầu bảo đảm quỹ đất, nguồn vốn; các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng các công trình quốc phòng;

đ) Giải pháp tổ chức thực hiện và quản lý kế hoạch xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ.

4. Thời hạn thẩm định và báo cáo kết quả

a) Trong thời hạn không quá 25 ngày đối với cấp huyện và 35 ngày đối với cấp tỉnh, kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Căn cứ kết luận của hội nghị thẩm định và ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan liên quan, cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp báo cáo, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thẩm quyền, hình thức, nội dung phê duyệt kế hoạch xây dựng thể trận quân sự trong khu vực phòng thủ

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt kế hoạch xây dựng thể trận quân sự khu vực phòng thủ cấp tỉnh trọng điểm; Tư lệnh quân khu phê duyệt kế hoạch xây dựng thể trận quân sự khu vực phòng thủ các tỉnh còn lại và cấp

huyện trọng điểm; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thành phố Hồ Chí Minh của Quân khu 7) phê duyệt kế hoạch xây dựng thể trận quân sự khu vực phòng thủ cấp huyện còn lại; Tur lệnh Bộ Tur lệnh Thủ đô Hà Nội phê duyệt kế hoạch xây dựng thể trận quân sự khu vực phòng thủ của các đơn vị cấp huyện thuộc Thủ đô Hà Nội.

b) Hình thức phê duyệt: Ban hành quyết định phê duyệt và phê duyệt trực tiếp lên bản đồ kế hoạch;

c) Quyết định phê duyệt kế hoạch gồm: Căn cứ pháp lý; phạm vi, mục tiêu của kế hoạch; thành phần, quy mô, khu vực bố trí các thành phần thể trận quân sự chủ yếu trong khu vực phòng thủ; thành phần, quy mô, địa điểm bố trí các công trình quốc phòng trong thành phần thể trận quân sự; kế hoạch thực hiện đầu tư và nguồn vốn bảo đảm xây dựng từng bước; tổ chức thực hiện kế hoạch.

Điều 7. Quy hoạch khu sơ tán của các ban, bộ, ngành Trung ương

1. Khu sơ tán của các ban, bộ, ngành Trung ương (sau đây viết gọn là khu sơ tán) là một thành phần thể trận khu vực phòng thủ. Quy hoạch khu sơ tán nhằm xác định vị trí, phạm vi đất đai các khu vực có điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng khu sơ tán cho các ban, bộ, ngành Trung ương; làm cơ sở định hướng cho các ban, bộ, ngành bố trí và triển khai xây dựng hệ thống công trình trọng điểm trong các khu sơ tán, đảm bảo cho hoạt động của các ban, bộ, ngành khi xảy ra chiến tranh hoặc trong các tình huống đặc biệt khác, phục vụ cho nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đất nước của Đảng, Nhà nước, Chính phủ.

2. Khu sơ tán được xác định theo phạm vi hành chính cấp xã trong vùng quy hoạch, do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Căn cứ nhu cầu về tổ chức, biên chế, lực lượng, trang bị, thiết bị, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của các ban, bộ, ngành, khu sơ tán được tổ chức thành các phân khu chức năng, bảo đảm cho lãnh đạo ban, bộ, ngành, văn phòng, một số vụ trực thuộc, các đơn vị hành chính sự nghiệp sinh hoạt, làm việc và khu bố trí lực lượng, phương tiện, dự trữ bảo đảm hậu cần, kỹ thuật trong thời chiến.

3. Quy hoạch khu sơ tán phải kết hợp với các quy hoạch vùng lãnh thổ, các quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương và các quy hoạch khác nhằm xây dựng địa bàn ổn định về chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đảm bảo an sinh xã hội; bảo vệ môi trường, sinh thái, tài nguyên; tiết kiệm đất đai và kinh phí đầu tư xây dựng.

4. Trong khu sơ tán, các ban, bộ, ngành phải bố trí các công trình sơ tán, phòng tránh, trú ẩn, bảo đảm cho các lực lượng, phương tiện của ban, bộ, ngành sinh hoạt, làm việc trong thời chiến. Ưu tiên xây dựng đường hầm, hầm ngầm, hang động cải tạo ngay từ thời bình, sẵn sàng đưa vào sử dụng khi chiến tranh xảy ra.

5. Hồ sơ quy hoạch khu sơ tán gồm: Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch khu sơ tán, thuyết minh quy hoạch, bản đồ hoặc sơ đồ quy hoạch tổng thể và quy hoạch phân khu chức năng trong khu sơ tán, sơ đồ quy hoạch chi tiết bố trí công trình sơ tán trong từng phân khu chức năng, sơ đồ xác định các khu vực đất dành cho thực hiện quy hoạch. Trước khi trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu sơ tán, các ban, bộ, ngành có trách nhiệm gửi xin ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu sơ tán của các ban, bộ, ngành.

6. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và một số bộ liên quan thẩm định quy hoạch khu sơ tán, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

7. Các ban, bộ, ngành có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng và cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị-xã hội các cấp trong khu vực quy hoạch khu sơ tán quản lý và thực hiện quy hoạch được phê duyệt; hỗ trợ, đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng cơ sở chính trị địa bàn, bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có vùng quy hoạch khu sơ tán có trách nhiệm phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương xác định quỹ đất dành riêng cho xây dựng các công trình theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi có khu sơ tán tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, các chương trình, dự án của địa phương phù hợp với quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Hằng năm tổ chức kiểm tra, rút kinh nghiệm công tác quản lý, bảo vệ khu sơ tán trên địa bàn; đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế-xã hội, kết hợp với bảo vệ an toàn, bí mật.

9. Các tài liệu, thông tin liên quan đến quy hoạch khu sơ tán được xác định độ mật là Tối mật. Xây dựng công trình trong khu sơ tán thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng công trình bí mật nhà nước. Không sử dụng vốn vay nước ngoài để xây dựng các công trình trong khu sơ tán.

Điều 8. Diễn tập phòng thủ quân khu và diễn tập khu vực phòng thủ

1. Thành lập Ban Chỉ đạo, cơ quan Ban Chỉ đạo

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, cơ quan Ban Chỉ đạo và làm Trưởng ban, để chỉ đạo diễn tập phòng thủ quân khu và diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội;

b) Tư lệnh quân khu quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, cơ quan Ban Chỉ đạo diễn tập và làm Trưởng ban, để chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh trên địa bàn quân khu;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, cơ quan Ban Chỉ đạo diễn tập và làm Trưởng ban, để chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện thuộc địa bàn tỉnh.

2. Tư lệnh quân khu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được giao nhiệm vụ diễn tập phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ quyết định thành lập Ban Tổ chức, cơ quan Ban Tổ chức diễn tập và làm Trưởng ban để triển khai diễn tập.

3. Thành lập Tổ công tác

a) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Trung ương, tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ thành lập Tổ công tác gồm cán bộ cấp cục, vụ, phối hợp với các cơ quan quân khu hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan quân sự, các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ theo chuyên ngành;

b) Cơ quan quân sự cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các ban, sở, ngành, đoàn thể địa phương cùng cấp tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ thành lập Tổ công tác gồm cán bộ cấp phòng, ban, để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan quân sự và các ban, phòng, ngành, đoàn thể địa phương cấp huyện thực hiện nhiệm vụ diễn tập theo chuyên ngành.

4. Hệ thống văn kiện diễn tập khu vực phòng thủ gồm hệ thống văn kiện chỉ đạo, điều hành, đầu bài tập và hệ thống văn kiện của người tập. Gồm:

a) Hệ thống văn kiện chỉ đạo, điều hành diễn tập;

b) Hệ thống văn kiện đầu bài tập;

- Đầu bài tập dùng cho lực lượng vũ trang.

- Đầu bài tập dùng cho cấp ủy, chính quyền, các ban, sở, phòng, ngành, đoàn thể địa phương.

c) Hệ thống văn kiện của người tập;

- Hệ thống văn kiện của người tập trong lực lượng vũ trang.

- Hệ thống văn kiện của người tập trong cấp ủy, chính quyền, các ban, sở, phòng, ngành, đoàn thể địa phương.

d) Số lượng, nội dung, quy cách soạn thảo các loại văn kiện thực hiện theo Điều lệ công tác tham mưu tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam, hướng dẫn của cơ quan Bộ Quốc phòng và các ban, bộ, ngành Trung ương.

Điều 9. Nội dung, quy mô sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ

1. Nội dung sơ kết, tổng kết

a) Đánh giá việc vận hành cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy; mối quan hệ phối hợp; kết quả xây dựng tiềm lực, thế trận; công tác bảo đảm phòng thủ quân khu, xây dựng khu vực phòng thủ của ban, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức Trung ương, Bộ Tư lệnh các quân khu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng thủ; đề xuất chủ trương, giải pháp tiếp theo;

b) Kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo;

c) Kiến nghị, đề xuất với cấp trên.

2. Quy mô tổ chức sơ kết, tổng kết

a) Sơ kết, tổng kết phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ được tổ chức từ cấp huyện đến cấp Trung ương;

b) Cấp tỉnh, cấp huyện do Ủy ban nhân dân chủ trì tổ chức, cơ quan Quân sự tham mưu triển khai thực hiện;

c) Cấp quân khu do Ban Chỉ đạo quân khu chủ trì tổ chức, Bộ Tham mưu quân khu tham mưu triển khai thực hiện;

d) Cấp Trung ương do Chính phủ tổ chức, Bộ Quốc phòng phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các ban, bộ, ngành Trung ương liên quan tham mưu triển khai thực hiện;

đ) Thành phần triệu tập, khách mời, thời gian tổ chức do Ban Chỉ đạo các cấp xác định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 10. Bộ Tổng Tham mưu

1. Chủ trì, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ; trình Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định thành lập Ban Chỉ đạo quân khu về phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ, Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội.

2. Hướng dẫn các quân khu chỉ đạo cơ quan quân sự cấp tỉnh tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập Ban Chỉ đạo, Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ đảm bảo thống nhất trên phạm vi cả nước.

3. Chỉ đạo xây dựng và thẩm định kế hoạch, thể trận phòng thủ của các quân khu và thành phố Hà Nội.

4. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng phối hợp với địa phương trên địa bàn đóng quân xây dựng tiềm lực, thể trận và lực lượng khu vực phòng thủ; hiệp đồng xây dựng các phương án tác chiến phòng thủ địa phương.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan Bộ Quốc phòng cử cán bộ tham gia Tổ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan quân khu, địa phương diễn tập khu vực phòng thủ.

6. Tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm định thiết kế xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự trên phạm vi cả nước; phối hợp, hướng dẫn các ban, bộ, ngành Trung ương lựa chọn, triển khai bố trí khu sơ tán theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

7. Chủ trì, tham mưu cho Bộ Quốc phòng phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương tổ chức thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP theo định kỳ và tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ trên phạm vi cả nước.

Điều 11. Tổng cục Chính trị

1. Chủ trì, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tham mưu cho Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương chỉ đạo thực hiện công tác Đảng, công tác chính trị, xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần trong phòng thủ quân khu, xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Tham mưu cho Quân ủy Trung ương ban hành các chỉ thị, nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ; hướng dẫn cấp ủy Đảng các cấp trong Quân đội tham mưu với cấp ủy Đảng địa phương ban hành các nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phòng thủ.

3. Hướng dẫn cơ quan Chính trị các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tham mưu triển khai các biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ.

4. Chủ trì tham mưu với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ; phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền khen

thường trong thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 12. Tổng cục Hậu cần

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan Bộ Quốc phòng hướng dẫn hậu cần các quân khu, hậu cần Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội chỉ đạo hậu cần quân sự địa phương tham mưu thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Chủ trì kiểm tra, đôn đốc việc thành lập và duy trì hoạt động của Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Hướng dẫn nội dung xây dựng kế hoạch hậu cần trong diễn tập khu vực phòng thủ.

3. Phối hợp với các cơ quan Bộ Quốc phòng thẩm định các chương trình, quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội gắn với quốc phòng thuộc các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương liên quan đến hậu cần; chỉ đạo hậu cần quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội phối hợp với các cơ quan cùng cấp có liên quan tham gia thẩm định các chương trình, quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội gắn với quốc phòng trên địa bàn.

4. Phối hợp với các cơ quan Bộ Quốc phòng kiểm tra, đôn đốc hậu cần quân khu, cơ quan hậu cần quân sự địa phương sơ kết, tổng kết việc thực hiện xây dựng và hoạt động hậu cần trong phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ.

Điều 13. Bộ Tư lệnh các quân khu

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ; chỉ đạo cơ quan quân sự cấp tỉnh thuộc quyền tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập và duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo khu vực phòng thủ cấp tỉnh.

2. Chỉ đạo Bộ Tham mưu quân khu chủ trì, phối hợp với các cơ quan quân khu, tổ chức xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu; hướng dẫn cơ quan quân sự cấp tỉnh thuộc quyền xây dựng và thực hiện kế hoạch khu vực phòng thủ; chịu trách nhiệm trước Bộ Quốc phòng về hiệu quả thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn quân khu.

3. Chủ trì, phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương cấp tỉnh trên địa bàn lập quy hoạch xây dựng thế trận phòng thủ quân khu; chỉ đạo, hướng dẫn, thẩm định và phê duyệt quy hoạch thế trận khu vực phòng thủ cấp tỉnh thuộc quyền theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

4. Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền phối hợp, hiệp đồng với lực lượng Công an và các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn và các ban, bộ, ngành Trung ương thống nhất vị trí sơ tán của các ban, bộ, ngành trên địa bàn; hằng năm, chỉ đạo các cơ quan quân khu phối hợp với các cơ quan của các ban, bộ, ngành Trung ương hướng dẫn, đạo diễn diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và phối hợp với các ban, sở, ngành cấp tỉnh hướng dẫn, đạo diễn diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện thuộc quân khu.

6. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chỉ đạo Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh (nếu có) trên địa bàn thực hiện theo phương án của khu vực phòng thủ cùng cấp; phối hợp với quân đoàn, quân chủng, binh chủng, học viện, nhà trường, bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng đóng quân trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ phòng thủ trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng và tình trạng chiến tranh.

7. Hằng năm tổng hợp kết quả xây dựng và hoạt động phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ trong tổng kết công tác quân sự, quốc phòng của quân khu. Tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 14. Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh

1. Tham mưu cho Tỉnh ủy (Thành ủy), Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập, duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo và Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ cấp mình.

2. Triển khai xây dựng kế hoạch và lập quy hoạch xây dựng thể trận khu vực phòng thủ, báo cáo Ban Chỉ đạo; gửi cấp trên thẩm định.

3. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch phòng thủ của cấp huyện thuộc quyền và kế hoạch tác chiến phòng thủ của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng (nếu có) trong thể trận của khu vực phòng thủ cấp mình; hướng dẫn cơ quan quân sự cấp huyện xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng thủ, thẩm định, phê duyệt kế hoạch tác chiến phòng thủ của đơn Biên phòng trên địa bàn (nếu có).

4. Phối hợp với các ban, sở, ngành, đoàn thể cùng cấp triển khai xây dựng kế hoạch bảo đảm cho nhiệm vụ phòng thủ cấp mình; phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định cho ý kiến các dự án phát triển kinh tế-xã hội có liên quan đến thể trận khu vực phòng thủ theo Nghị định số 164/2018/NĐ-CP; tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo cấp tỉnh thống nhất vị trí sơ tán của các ban, bộ, ngành Trung ương trên địa bàn khi cấp trên yêu cầu.

5. Phối hợp với cơ quan Công an, các cơ quan chức năng của địa phương cùng cấp, các đơn vị của quân khu, Bộ Quốc phòng, các ban, bộ, ngành Trung ương đứng chân trên địa bàn bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng trong khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, tham mưu thực hiện nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ quy định tại Điều 8 Thông tư này.

7. Hằng năm, tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo tổng hợp kết quả xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ trong tổng kết công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Chủ trì tham mưu cho Ban Chỉ đạo tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 15. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

1. Tham mưu cho Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập, duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo và Hội đồng cung cấp khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội.

2. Triển khai xây dựng kế hoạch và lập quy hoạch xây dựng thể trận khu vực phòng thủ, báo cáo Ban Chỉ đạo; trình Bộ Tổng Tham mưu thẩm định.

3. Hướng dẫn, thẩm định, phê duyệt kế hoạch phòng thủ của cấp huyện thuộc quyền trong thể trận khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội.

4. Phối hợp với các ban, sở, ngành, đoàn thể Thành phố triển khai xây dựng kế hoạch bảo đảm cho nhiệm vụ phòng thủ; thẩm định cho ý kiến các dự án phát triển kinh tế-xã hội có liên quan đến thể trận khu vực phòng thủ theo Nghị định số 164/2018/NĐ-CP; tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo Thành phố thống nhất vị trí sơ tán của các ban, bộ, ngành Trung ương trên địa bàn khi cấp trên yêu cầu.

5. Phối hợp với cơ quan Công an, các cơ quan chức năng của Thành phố, các cơ quan, đơn vị của Bộ Quốc phòng, các ban, bộ, ngành Trung ương đứng chân trên địa bàn bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng trong khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, tham mưu thực hiện nhiệm vụ diễn tập khu vực phòng thủ quy định tại Điều 8 Thông tư này.

7. Hằng năm, tham mưu cho Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổng hợp kết quả xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ trong báo cáo tổng kết công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Chủ trì tham

mưu tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Nghị định số 21/2019/NĐ-CP quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 16. Các cơ quan, đơn vị khác thuộc Bộ Quốc phòng

1. Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng phối hợp với các cơ quan Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện công tác bảo đảm kỹ thuật; phát triển công nghiệp quốc phòng lưỡng dụng kết hợp phục vụ dân sinh, sản xuất vũ khí, trang bị, phương tiện bảo đảm cho phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ.

2. Tổng cục II chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng quân báo, trinh sát quân khu và các địa phương, đơn vị theo dõi, thu thập nắm tình hình địch liên quan đến phòng thủ quân khu và khu vực phòng thủ, thông báo, báo cáo theo quy định.

3. Các quân chủng, binh chủng, binh đoàn, Bộ Tư lệnh 86, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp, hiệp đồng với Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng thủ quân khu, khu vực phòng thủ và chỉ đạo công tác nghiệp vụ chuyên môn.

4. Các quân đoàn, học viện, nhà trường, bệnh viện, đơn vị chiến đấu, bảo đảm, phục vụ chiến đấu trực thuộc Bộ Quốc phòng hiệp đồng với quân khu và địa phương nơi đóng quân xây dựng phương án phối hợp bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn đóng quân; hiệp đồng với lực lượng vũ trang địa phương xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ chiến đấu trong trạng thái khẩn cấp về quốc phòng, trạng thái chiến tranh.

5. Cử cán bộ tham gia Tổ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ diễn tập phòng thủ quân khu và diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh theo chuyên ngành.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2020.


2. Thông tư số 139/2008/TT-BQP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ; Thông tư số 08/2012/TT-BQP ngày 03 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn sơ kết, tổng kết về xây dựng và hoạt động của khu

vực phòng thủ; Thông tư liên tịch số 104/2016/TTLT-BQP-BCA-BTC-BKHĐT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 152/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về khu vực phòng thủ và Nghị định số 02/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2007/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện Thông tư này.

2. Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm các Tổng cục, Tư lệnh các quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Quá trình thực hiện, phát hiện vướng mắc, các cơ quan, đơn vị tổng hợp nội dung, gửi về Bộ Tổng Tham mưu (qua Cục Tác chiến)./. 

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng: TW Đảng, Chủ tịch nước, QH, CP;
- Ủy ban QPAN của Quốc hội;
- Các Bộ: Công an, KH&ĐT, GTVT, TT&TT, Tài chính, NN&PTNT, GD&ĐT, TN&MT, Xây dựng, Công Thương, Y tế, LĐ-TB&XH;
- Các Ban Trung ương: Tổ chức, Tuyên giáo, Dân vận;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Văn phòng BQP, Văn phòng BTM;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Công TTĐT Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT. Q168.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ BỘ TRƯỞNG**



Thượng tướng Phan Văn Giang